

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2026/HS-ST
Ngày 13-04-2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Xuân và bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Ông Đàm Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 44/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2026/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 03 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2026/HSST-QĐ ngày 17/3/2026, Thông báo việc mở lại phiên tòa số 188/TB-TA ngày 02/4/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nông Văn L**; tên gọi khác: không; giới tính: nam; Sinh ngày 01 tháng 6 năm 1992, tại xã T, tỉnh Cao Bằng; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm V, xã T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông Nông Văn T (đã chết); Con bà Đàm Thị V; sinh năm 1965; nghề nghiệp: lao động tự do; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm V, xã T, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo là con út trong gia đình có 02 chị em; Vợ: Đàm Thị B; sinh năm 2000; (đã ly hôn) Bị cáo có 02 con, đều sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 02/8/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng tuyên phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về Tội cố ý gây thương tích. Ngày 22/01/2026, bị Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng tuyên phạt 01 năm tù về tội “Giao cấu với trẻ em”. Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2025 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. Có mặt.

2. Họ và tên: **Đàm Văn D**; tên gọi khác: không; giới tính: nam; Sinh ngày 28 tháng 9 năm 1988, tại xã Q, tỉnh Cao Bằng; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông Đàm Văn T1, sinh năm 1963;

nghề nghiệp: lao động tự do; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Con bà Đàm Thị L1, sinh năm 1964; nghề nghiệp: hưu trí; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo là con cả trong gia đình có 02 anh em; Vợ: Đàm Thị B1, sinh năm 1993; nghề nghiệp: lao động tự do; nơi ở hiện tại: xã Y, tỉnh Bắc Ninh; Bị cáo có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2025 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. Có mặt.

3. Họ và tên: **Đàm Văn T2**; tên gọi khác: không; giới tính: nam; Sinh ngày 11 tháng 9 năm 1975, tại xã Q, tỉnh Cao Bằng; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông Đàm Khánh H và bà Đàm Thị V1 (đều đã chết); Bị cáo là con út trong gia đình có 05 chị em; Vợ: Trần Thị N, sinh năm 1976; nghề nghiệp: lao động tự do; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo có 01 con sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2025 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. Có mặt.

4. Họ và tên: **Đàm Văn K**; tên gọi khác: không; giới tính: nam; Sinh ngày 06 tháng 9 năm 1985, tại xã Q, tỉnh Cao Bằng; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông Đàm Khánh P, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1955; cùng làm nghề lao động tự do và trú tại xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo là con út trong gia đình có 02 anh em; Vợ: Đàm Thị H1, sinh năm 1990; nghề nghiệp: lao động tự do; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2025 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. Có mặt.

5. Họ và tên: **Lã Văn G**; tên gọi khác: không; giới tính: nam; Sinh ngày 15 tháng 10 năm 1973, tại xã T, tỉnh Cao Bằng; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm V, xã T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông Lã Văn L3, sinh năm 1943 và bà Hoàng Thị P1, sinh năm 1949; cùng làm nghề lao động tự do và trú tại xóm V, xã T, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo là con cả trong gia đình có 04 anh em; Vợ: Nông Thị L4, sinh năm 1976; nơi ở hiện tại: Trung Quốc; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 1998; Tiền sự: không;

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án. Ngày 15/10/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng) tuyên phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 23/7/2024 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa được xóa án tích.

Về nhân thân: Ngày 11/6/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng) tuyên phạt 07 năm tù về Tội mua bán trái phép

chất ma túy; Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2025 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn L: Bà Trần Thị T3 - Luật sư thực hiện Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đàm Văn D, Đàm Văn T2: Bà Sầm Thị L5 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lã Văn G, Đàm Văn K: Bà Nguyễn Thị D4 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt.

Những người bào chữa đều có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Đàm Thị V, sinh năm 1965;

+ Anh Lã Minh H2, sinh năm 1998;

Cùng cư trú tại: Xóm V, xã T, tỉnh Cao Bằng.

+ Bà Đàm Thị L1, sinh năm 1964;

+ Bà Trần Thị N, sinh năm 1976;

Cùng cư trú tại: Xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Hồi 15 giờ 00 phút ngày 11/9/2025, Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh C làm nhiệm vụ tại xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng phát hiện Đàm Văn D, sinh năm 1988, trú tại xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh, biển kiểm soát 11K1 - 156.25 có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy. Tổ công tác đã yêu cầu dừng xe kiểm tra. Kết quả phát hiện tại túi áo ngực bên trái Du đang mặc có 01 gói giấy bạc màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục lẫn bột. D khai số chất bột màu trắng trên là ma túy, loại heroine. Du nhờ Lã Văn G, sinh năm 1973, trú tại xóm V, xã T, tỉnh Cao Bằng đi mua giúp với số tiền 1.500.000 đồng mục đích để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ số vật chứng nghi là ma túy, 01 xe mô tô và 01 điện thoại di động để điều tra, làm rõ.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng và lấy mẫu gửi giám định vật chứng thu giữ của Đàm Văn D có khối lượng 0,21 gam. Tại kết luận giám định số 475/KL-KTHS ngày 19/9/2025 của Phòng K1, Công an tỉnh C kết luận: Mẫu chất bột màu trắng dạng cục lẫn bột bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine.

Tại cơ quan điều tra, Đàm Văn D khai bản thân là người nghiện ma túy. Do biết Đàm Văn K, sinh năm 1988 và Đàm Văn T2, sinh năm 1975, cùng trú tại xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng cũng sử dụng ma túy nên thường xuyên gọi điện, trao đổi để hỏi tìm chỗ mua ma túy, nếu mua được sẽ cùng nhau sử dụng. Trong hai ngày 09/9/2025

và 11/9/2025, D được K và T2 giới thiệu đến nhà Lã Văn G để nhờ G đi mua ma túy về sử dụng. Sau khi mua được ma túy, D, K, T2 và G đã cùng nhau sử dụng ma túy nhiều lần.

Căn cứ lời khai của Đàm Văn D, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã triệu tập Đàm Văn K, Đàm Văn T2 và Lã Văn G đến làm việc. Tại cơ quan điều tra, lời khai của K, T2, G phù hợp với lời khai của D và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể:

Khoảng hơn 12 giờ ngày 09/9/2025, K gọi điện cho T2 hỏi tìm chỗ mua ma túy để sử dụng. T2 đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 11B1 - 154.08 chở K đến nhà Lã Văn G tại xóm V, xã T, tỉnh Cao Bằng. Tại nhà G, K đưa cho T2 200.000 đồng. Sau đó, T2 đưa số tiền trên và nhờ G đi mua ma túy. Trong quá trình đợi G, T2 chuẩn bị dụng cụ để sử dụng ma túy và cùng K ngồi chờ tại bàn uống nước trong bếp nhà G. Sau khi nhận tiền, G điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 11B1 - 462.99 đến nhà Nông Văn Luân, sinh năm 1992, là người cùng xóm mua 01 gói ma túy với số tiền 500.000 đồng. Mua được ma túy, G đem về để trên bàn. Ty mở gói ma túy đổ trên mặt giấy bạc, sau đó dùng bật lửa đốt để sử dụng. Ty, G, K lần lượt chuyền tay nhau sử dụng hết số ma túy trên. Sau khi sử dụng xong, K và T2 ngồi uống nước tại bàn, còn G đi làm việc nhà.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, K gọi điện giới thiệu và chỉ đường cho D đến nhà G để nhờ G đi mua ma túy. Khi đến nơi, D nhờ G đi mua 1.000.000 đồng ma túy. G đồng ý và đi mua với Nông Văn L được 02 gói ma túy đem về cho D. Nhận được ma túy, D mở 01 gói ma túy ra rồi để một ít lên mảnh giấy bạc ở trên bàn mà T2, K, G đã sử dụng trước đó. Phần còn lại D gói vào và đưa cho G để trả công. Gói ma túy còn lại, D cất giấu đem về và sử dụng hết. Thấy D để ma túy lên giấy bạc, T2 sử dụng bật lửa đốt lên để sử dụng và chuyền tay nhau cho D, G và K sử dụng hết. Sau đó, D, K và T2 đi về nhà. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 11/9/2025, T2 một mình điều khiển xe mô tô đến nhà G và nhờ G đi mua 200.000 đồng ma túy. G đồng ý và đi mua với Nông Văn L được 01 gói ma túy với số tiền 500.000 đồng. Mua được ma túy, G quay về đưa cho T2. Lúc này, T2 đang ngồi ở bàn tại bếp và đã chuẩn bị xong giấy bạc để sử dụng ma túy. Ty mở gói ma túy này đổ ma túy lên mảnh giấy bạc rồi dùng bật lửa của T2 đốt rồi cùng G chuyền tay nhau sử dụng hết số ma túy. Sau đó, G và T2 lên phòng khách ngồi ở bàn uống nước, nói chuyện. Lúc này, T2 gọi điện thông báo cho D biết G đang ở nhà. Đến 15 giờ, D đến nhà G nhờ đi mua giúp 1.500.000 đồng ma túy. G đồng ý và đi mua với Nông Văn L được 03 gói ma túy đem về cho D. Sau khi nhận được ma túy, D mở cả 03 gói ma túy ra rồi dồn lại làm thành 01 gói, Du tách lấy một phần nhỏ gói lại đưa cho G để trả công, tách một phần nhỏ đặt trên giấy bạc có sẵn ở trên bàn do T2 và G đã sử dụng trước đó. Số ma túy còn lại, D cất ở túi áo ngực bên trái phía trước; mục đích để sử dụng cho bản thân. Sau đó, D và G dùng bật lửa hơi đốt mảnh giấy bạc chứa ma túy để sử dụng. Khi đang sử dụng ma túy thì T2 đi từ trên nhà xuống bếp sử dụng cùng. Thấy T2 sử dụng ma túy thì D đứng dậy đi về nhà trước. Khi đi đến xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang.

Tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở của Lã Văn G tại xóm V, xã T, tỉnh Cao Bằng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C phát hiện tạm giữ 01 điện thoại di động; 01 thẻ nhớ ở C trong phòng khách.

Căn cứ lời khai của Lã Văn G, Cơ quan điều tra đã triệu tập Nông Văn L đến

làm việc. Tại cơ quan điều tra, L khai nhận được bán ma túy cho Lã Văn G 04 lần, thu lợi số tiền 3.500.000 đồng. Số ma túy trên L mua với một người đàn ông không quen biết ở chợ xã T với số tiền 3.000.000 đồng vào thời gian khoảng một tuần trước khi bị bắt. L mua để sử dụng cho bản thân. Do biết G là người nghiện chất ma túy và là người cùng xóm nên L đã bán ma túy cho G. Ngoài ra, L khai bản thân đã từng điều trị nghiện các chất ma túy dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone tại cơ sở điều trị Methadone thuộc

Trạm Y tế xã T từ ngày 14/4/2023 đến ngày 27/12/2024. Từ ngày 28/12/2024, L tự ý bỏ điều trị không có lý do và không điều trị lại. Ngày 10/9/2025, L sử dụng trái phép chất ma túy, loại heroine bằng hình thức chích vào cơ thể, tại phòng ngủ của L. Ngày 13/9/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C tiến hành xét nghiệm nhanh chất ma túy trong cơ thể đối với Nông Văn L và tiến hành thu mẫu nước tiểu của L gửi giám định. Tại Kết luận giám định số 438/KL-KTHS ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Phòng K1, Công an tỉnh T kết luận: Tìm thấy chất Morphine, C, MAM -6 là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Heroine trong mẫu nước tiểu của Nông Văn L gửi giám định.

Tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở của Nông Văn L tại Xóm V, xã T, tỉnh Cao Bằng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C phát hiện, tạm giữ 01 điện thoại di động và số tiền 11.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án đã được Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 ban hành Quyết định chuyển vật chứng đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Cao Bằng để đảm bảo việc xét xử vụ án.

Tại bản cáo trạng số 81/CT-VKSKV3, ngày 10 tháng 02 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo: Nông Văn L về Tội mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và T5 sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại điểm d khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự; bị cáo Đàm Văn D về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và Tội tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lã Văn G về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại điểm a, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và Tội tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Đàm Văn T2 và Đàm Văn K về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nông Văn L, Đàm Văn D, Đàm Văn T2, Đàm Văn K và Lã Văn G thừa nhận Cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội, việc truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Các bị cáo nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy; Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; Sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Tại phần kết luận và tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Nông Văn L về Tội mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và T5 sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại điểm d khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự; bị cáo Đàm Văn D về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và Tội tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; bị

cáo Lã Văn G về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại điểm a, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và Tội tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Đàm Văn T2 và Đàm Văn K về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm d khoản 1 Điều 256a; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nông Văn L mức án tù 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội Sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt cả hai tội danh và tổng hợp hình phạt với bản án số 11/2026/HS-ST ngày 22/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng tuyên phạt 01 năm tù đối với bị cáo về Tội giao cấu với trẻ em; đề nghị xử phạt bị cáo từ 10 năm đến 11 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17 Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 55 Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Đàm Văn D mức án tù 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt cả hai tội, đề nghị xử phạt bị cáo từ 10 năm đến 11 năm tù.

- Áp dụng điểm a, h khoản 2 Điều 255, điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17 Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 ; Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lã Văn G mức án tù 07 năm 03 tháng đến 08 năm 03 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt cả hai tội đề nghị xử phạt bị cáo từ 10 năm đến 11 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255; Điều 17 Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Đàm Văn K mức án tù 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Đàm Văn T2 mức án tù 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Cần tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau vì liên quan đến hành vi phạm tội và không có giá trị sử dụng:

+ 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước ghi: "Vật chứng thu giữ của Đàm Văn D, bắt quả tang ngày 11/09/2025".

+ 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước ghi: "Số 475 /KL-KTHS. Hoàn mẫu vụ Đàm Văn D - Tàng trữ trái phép chất ma túy".

-Tịch thu phát mại để sung công quỹ nhà nước:

+ 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11B1 - 154.08 , Loại xe: Hai bánh từ 50 -175cm³; Nhãn hiệu; YAMAHA; Số loại; SIRIUS FI; Màu sơn: Xanh đen;

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh, màn hình cảm ứng, điện thoại đã qua sử dụng của Đàm Văn D.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, màn hình cảm ứng, điện thoại đã qua sử dụng của Đàm Văn T2.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, màn hình cảm ứng, điện thoại đã qua sử dụng của Đàm Văn K.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đỏ đen, loại bàn phím bấm, điện thoại đã qua sử dụng của La Văn G1.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, màn hình cảm ứng, điện thoại đã qua sử dụng của Nông Văn L.

-Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp:

+ 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước ghi: "Thẻ nhớ tạm giữ của Lã Văn G".

+ 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11K1 - 156.25, Loại xe: Hai bánh từ 50 -175cm³; Nhãn hiệu; HONDA; Số loại; VISION; Màu sơn: Xanh Đen;

+ 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11B1 - 462.99 , Loại xe: Hai bánh từ 50 -175cm³; Nhãn hiệu; YAMAHA; Số loại; EXCITER; Màu sơn: Đen;

+ Số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh C đã nộp vào tài khoản 3949.0.1054207.000000 của Thi hành án dân sự tỉnh mở tại Kho bạc Nhà nước Khu vực I - Phòng nghiệp vụ số 2.

-Truy thu đối với bị cáo Nông Văn L số tiền 3.500.000 đồng do bị cáo bán ma túy có được.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng đối với các bị cáo vì các bị cáo đều là đối tượng nghiện không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng;

Về án phí: Các bị cáo Nông Văn L, Đàm Văn D, Lã Văn G, Đàm Văn T2 và Đàm Văn K được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Những người bào chữa cho các bị cáo đều thống nhất quan điểm về phần tội danh và mức hình phạt mà viện kiểm sát yêu cầu áp dụng đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Người bào chữa chỉ có yêu cầu xem xét đến nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất mà viện kiểm sát đã yêu cầu. Nông Văn L, Đàm Văn D, Lã Văn G, Đàm Văn T2 và Đàm Văn K thuộc diện được miễn án phí theo quy định của pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét miễn nộp án phí cho các bị cáo.

Khi nói lời sau cùng, các bị cáo đều mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm được về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc

khieu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, các yếu tố cấu thành tội phạm: Tại phiên tòa các bị cáo Nông Văn L, Đàm Văn D, Đàm Văn T2, Đàm Văn K và Lã Văn G hoàn toàn nhận tội, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của các nhân chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Đàm Văn D, Đàm Văn K và Đàm Văn T2 đều là người nghiện ma túy, cùng trú tại xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng nên thường xuyên liên lạc, trao đổi với nhau về việc tìm chỗ mua ma túy, nếu mua được sẽ cùng nhau sử dụng. Do biết Lã Văn G cũng sử dụng và biết chỗ mua ma túy nên T2 đã giới thiệu cho K và D. Trong hai ngày 09/9/2025 và 11/9/2025, Lã Văn G đã giúp D, K và T2 đi mua ma túy nhiều lần với Nông Văn L để cùng nhau sử dụng. Sau Khi mua được ma túy, G đem ma túy về cùng D, K, T2 sử dụng tại nhà của mình bằng hình thức đốt ma túy trên giấy bạc, hít khói vào cơ thể. Hồi 15 giờ ngày 11/9/2025, sau khi cùng G và T2 sử dụng một phần ma túy, D cất giấu số ma túy còn lại mang về thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang về hành vi tàng trữ 0,21 gam ma túy, loại heroine; mục đích để sử dụng cho bản thân.

Nông Văn L là người nghiện đã điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế (M) tại Cơ sở điều trị Methadone tại Trạm Y tế xã T từ ngày 14/4/2023 đến ngày 27/12/2024. Từ ngày 28/12/2024, L tự ý bỏ điều trị không có lý do và không điều trị lại. Ngày 10/9/2025, L sử dụng trái phép chất ma túy, loại heroine bằng hình thức chích vào cơ thể, tại phòng ngủ của L. Tại Kết luận giám định số 438/KL-KTHS ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Phòng K1, Công an tỉnh T kết luận: Tìm thấy chất Morphine, C, MAM - 6 là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Heroine trong mẫu nước tiểu của Nông Văn L gửi giám định. Số ma túy L sử dụng và bán cho G là của L mua với một người đàn ông không quen biết, tại chợ xã T với số tiền 3.000.000 đồng, vào thời gian khoảng một tuần trước khi bị bắt. L đã bán ma túy cho Lã Văn G 04 lần, thu lợi số tiền 3.500.000 đồng.

Do vậy, bản Cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng tội, đúng người và đúng pháp luật.

Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy; Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Nhưng do bản thân các bị cáo mắc nghiện, hơn nữa vì mục đích hám lời để tiếp tục có tiền mua ma túy về sử dụng nên bị cáo đã bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các loại chất ma túy, gây tác hại lớn về nhiều mặt cho xã hội, và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Các bị cáo có nhân thân xấu, bản thân sử dụng trái phép chất ma túy. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới tương xứng với tính chất mức độ hành vi của các bị cáo, tiếp tục cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình giải quyết vụ án, cả 05 bị cáo đều thành khẩn khai báo và đều là người dân tộc thiểu số. Ngoài ra, gia đình các bị cáo đều có người thân (ông, bà, bố) là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huân chương nên các bị cáo được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

- Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo là người nghiện ma túy, đã từng bị xét xử về tội cố ý gây thương tích mặc dù đã được xóa án tích và tội giao cấu với trẻ em.

- Các bị cáo Đàm Văn D, Đàm Văn T2 và Đàm Văn K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

- Bị cáo Lã Văn G là người có nhân thân xấu, năm 2010 bị cáo đã bị xử phạt 07 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy (đã được xóa án tích), đến năm 2019, bị cáo tiếp tục bị Tòa án tuyên phạt 07 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, về lần phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tích. Đến năm 2025, bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội mới bị coi là tái phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là tương xứng với mức độ hành vi do các bị cáo đã gây ra nên cần chấp nhận.

Các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy nên đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy; hành vi của các bị cáo phạm tội nhiều lần và nhiều tội vì vậy về tính chất mức độ nguy hiểm hành vi do các bị cáo đã gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội. Nên khi áp dụng hình phạt cũng cần cân nhắc để đưa ra mức án tương xứng đối với hành vi của từng bị cáo đã gây ra.

Xét về tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo đã gây ra:

Trong vụ án này bị cáo Nông Văn L phạm tội độc lập, không đồng phạm cùng với các bị cáo khác. Bị cáo có hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần cho nhiều đối tượng khác nhau; Ngoài ra bị cáo là đối tượng nghiện ma túy đã đã điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế (M) tại Cơ sở điều trị Methadone tại Trạm Y tế xã T từ ngày 14/4/2023 đến ngày 27/12/2024. Từ ngày 28/12/2024, L tự ý bỏ điều trị không có lý do và không điều trị lại. Bị cáo tiếp tục sử dụng ma túy, nên hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội.

Các bị cáo Lã Văn G, Đàm Văn D, Đàm Văn K và Đàm Văn T2 là đồng phạm giản đơn, đều là người thực hành. Tuy nhiên, xét về vai trò và tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi của các bị cáo là khác nhau. Cụ thể bị cáo Lã Văn G là người trực tiếp đi mua ma túy nhiều lần và mang về cho các bị cáo khác sử dụng ma túy tại nhà của bị cáo, nên tính chất mức độ nguy hiểm của bị cáo là cao nhất so với các bị cáo còn lại và phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo Đàm Văn D là người bỏ tiền ra để Lã Văn G đi mua ma túy về cùng các bị cáo khác sử dụng, nên tính chất mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo là cao hơn bị cáo Đàm Văn T2 và Đàm Văn K, nên mức hình phạt đối với bị cáo D sẽ cao hơn bị cáo T2 và K. Bị cáo Đàm Văn K và Đàm Văn T2 là các đối tượng nghiện nên thường xuyên liên lạc với Đàm

Văn D và giới thiệu G cho D để D nhờ G đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng, nên tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi hai bị cáo là ngang nhau và phải chịu mức hình phạt như nhau.

[5] Về xử lý vật chứng vụ án:

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Cần tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau vì liên quan đến hành vi phạm tội và không có giá trị sử dụng:

+ 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước ghi: "Vật chứng thu giữ của Đàm Văn D, bắt quả tang ngày 11/09/2025".

+ 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước ghi: "Số 475 /KL-KTHS. Hoàn mẫu vụ Đàm Văn D - Tàng trữ trái phép chất ma túy".

-Tịch thu phát mại để sung công quỹ nhà nước các vật chứng sau vì liên quan đến hành vi phạm tội:

+ 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11B1 - 154.08 , Loại xe: Hai bánh từ 50 -175cm³; Nhãn hiệu; YAMAHA; Số loại; SIRIUS FI; Màu sơn: Xanh đen;

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh, màn hình cảm ứng, điện thoại đã qua sử dụng của Đàm Văn D.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, màn hình cảm ứng, điện thoại đã qua sử dụng của Đàm Văn T2.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, màn hình cảm ứng, điện thoại đã qua sử dụng của Đàm Văn K.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đỏ đen, loại bàn phím bấm, điện thoại đã qua sử dụng của La Văn G1.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, màn hình cảm ứng, điện thoại đã qua sử dụng của Nông Văn L.

-Trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp các tài sản sau vì quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ được các tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội:

+ Trả lại cho bị cáo Lã Văn G 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước ghi: "Thẻ nhớ tạm giữ của Lã Văn G".

+Trả lại cho bà Đàm Thị L1 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11K1 - 156.25, Loại xe: Hai bánh từ 50 -175cm³; Nhãn hiệu; HONDA; Số loại; VISION; Màu sơn: Xanh Đen;

+ Trả lại cho ông Lã Minh H2 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11B1 - 462.99 , Loại xe: Hai bánh từ 50 -175cm³; Nhãn hiệu; YAMAHA; Số loại; EXCITER; Màu sơn: Đen;

+Trả lại cho bà Đàm Thị V số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh C đã nộp vào tài khoản 3949.0.1054207.000000 của Thị hành án dân sự tỉnh mở tại Kho bạc Nhà nước Khu vực I - Phòng nghiệp vụ số 2.

-Truy thu đối với bị cáo Nông Văn L số tiền 3.500.000 đồng do bị cáo bán ma túy có được.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, bản thân nghiện ma túy nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về án phí: Các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Nhận định khác:

Về nguồn gốc ma túy, quá trình điều tra không xác định được họ tên, địa chỉ của người bán ma túy cho L nên Cơ quan điều tra không điều tra mở rộng vụ án là đúng quy định của pháp luật. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, nếu có căn cứ sẽ xử lý trong một vụ án khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn L về Tội mua bán trái phép chất ma túy và T5 sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo Đàm Văn D về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Tội tàng trữ trái phép chất ma túy; bị cáo Lã Văn G về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Tội tàng trữ trái phép chất ma túy ; các bị cáo Đàm Văn T2 và Đàm Văn K về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm d khoản 1 Điều 256a; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 và khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn L 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và 02 năm tù về tội Sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt cả hai tội danh và tổng hợp hình phạt với bản án số:11/2026/HSST ngày 22/01/2026, của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng đã tuyên phạt bị cáo 01 năm tù về Tội giao cấu với trẻ em; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 12/9/2025.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đàm Văn D 07 năm 03 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và 03 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt cả hai tội danh buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 10 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 11/9/2025.

- Áp dụng điểm a, h khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lã Văn G 07 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và 03 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt cả hai tội danh buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 10 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 12/9/2025.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đàm Văn K 07 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 12/9/2025.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đàm Văn T2 07 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 12/9/2025.

3. Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Cần tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau vì liên quan đến hành vi phạm tội và không có giá trị sử dụng:

+ 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước ghi: "Vật chứng thu giữ của Đàm Văn D, bắt quả tang ngày 11/09/2025". Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 04 hình dấu tròn đỏ, mực màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C.

+ 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước ghi: "Số 475 /KL-KTHS. Hoàn mẫu vụ Đàm Văn D - Tàng trữ trái phép chất ma túy". Mặt sau phong bì có chữ ký của những người tham gia niêm phong và đóng 04 dấu hình tròn mực màu đỏ của Phòng K1, Công an tỉnh C.

-Tịch thu phát mại để sung Ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11B1 - 154.08 , Loại xe: Hai bánh từ 50 -175cm³; Nhân hiệu; YAMAHA; Số loại; SIRIUS FI; Màu sơn: Xanh đen; số máy: E3T6E033380; số khung: RLCUE1710FY024772; Dung tích xi lanh: 113cm³; Số chỗ ngồi: 02; Năm sản xuất: 2015, xe đã qua sử dụng (Kèm theo 01 chìa khóa xe, 01 phiếu trả lời xác minh xe và bản cà số khung số máy).

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh, màn hình cảm ứng, số imei 1: 861128055122599; số imei 2: 861128055122581, điện thoại có gắn 02 (hai) thẻ sim số: 0814.148.776 và 0817.093.069, điện thoại đã qua sử dụng của Đàm Văn D.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, màn hình cảm ứng, số imei 1: 8622080407966514; số imei 2: 862208040796506, điện thoại có gắn một thẻ sim số 0395116841, điện thoại đã qua sử dụng của Đàm Văn T2.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, màn hình cảm ứng, số imei 1: 862208041938438; số imei 2: 862208041938420, điện thoại có gắn hai thẻ sim số 0376172866 và 0837425084, điện thoại đã qua sử dụng của Đàm Văn K.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đỏ đen, loại bàn phím bấm, số imei 1: 358044845348826; số imei 2: 358044845348834, điện thoại có gắn một thẻ sim số 0363202702, điện thoại đã qua sử dụng của Lã Văn G.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, màn hình cảm ứng, số imei 1: 867724060521918; số imei 2: 867724060521900, điện thoại có gắn hai thẻ sim số 0982630330 và 0365554300, điện thoại đã qua sử dụng của Nông Văn L.

-Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp:

+ Trả lại cho bị cáo Lã Văn G 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước ghi: "Thẻ nhớ tạm giữ của Lã Văn G". Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham

gia niêm phong và 04 hình dấu tròn đỏ, mực màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C.

+ Trả lại cho bà Đàm Thị L1 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11K1 - 156.25, Loại xe: Hai bánh từ 50 -175cm³; Nhãn hiệu; HONDA; Số loại; VISION; Màu sơn: Xanh Đen; số máy: JK03E0609405; số khung: RLHJK0315MY001221; Dung tích xi lanh: 109cm³; Số chỗ ngồi: 02; Năm sản xuất: 2021, xe đã qua sử dụng (Kèm theo 01 chìa khóa xe, 01 phiếu trả lời xác minh xe và bản cà số khung số máy).

-Trả lại cho ông Lã Minh H2 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11B1 - 462.99 , Loại xe: Hai bánh từ 50 -175cm³; Nhãn hiệu; YAMAHA; Số loại; EXCITER; Màu sơn: Đen; số máy: G3D4E1026569; số khung: RLCUG1010LY255530; Dung tích xi lanh: 149cm³; Số chỗ ngồi: 02; Năm sản xuất: 2020, xe đã qua sử dụng (Kèm theo 01 chìa khóa xe, 01 phiếu trả lời xác minh xe và bản cà số khung số máy).

- Trả lại cho bà Đàm Thị V số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh C đã nộp vào tài khoản 3949.0.1054207.000000 của Thi hành án dân sự tỉnh mở tại Kho bạc Nhà nước Khu vực I - Phòng nghiệp vụ số 2.

Xác nhận số vật chứng trên đang được lưu giữ tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Cao Bằng theo Biên bản giao, nhận vật chứng số 58 ngày 27/02/2026.

-Truy thu đối với bị cáo Nông Văn L số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) do bị cáo thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy mà có.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo đều được miễn nộp toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- PV06 Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh;
- Cơ quan THA hình sự;
- VKSND khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- UBND xã Quang Trung, xã Trà Lĩnh
(bằng thông báo);
- Các bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu: HS, Ấn văn, THAHS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nông Quốc Hùng